

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13-GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 26/2026/HNGĐ-ST

Ngày 26/5/2026

“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Trúc Hà;
- Ông Khuru Doãn Huân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13- Gia Lai, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1985; số định danh cá nhân: 064185002421; nơi thường trú: Thôn C, xã C, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1985; số định danh cá nhân: 066085005184; nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã C, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Làng P, xã I, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S trình bày: Năm 2014 tôi và anh Vũ Ngọc T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn, đến năm 2017 thì thuận tình ly hôn. Năm 2023 vì mong muốn các con có gia đình đầy đủ cha mẹ nên chúng tôi chung sống cùng nhau và đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A (nay là xã C), tỉnh Gia Lai vào ngày 07/3/2024. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng vẫn không hoà hợp được, ban đầu thỏa thuận anh T sống cùng với tôi tại A, nhưng sau đó anh T về ở C sống cùng với cha mẹ đẻ, mỗi tháng về nhà từ 3 đến 4 lần. Anh T làm có tiền nhưng chi phí cho gia đình chủ yếu do một mình tôi gánh vác, anh T thỉnh thoảng gửi về ít tiền để nuôi con. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T thường

xuân uống rượu và có lời nói nặng nề xúc phạm đến tôi và các con. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Vũ Ngọc T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con sinh đôi là cháu Vũ Nguyễn Khánh N, và cháu Vũ Nguyễn Ngọc K, đều sinh ngày 20/9/2015. Từ nhỏ các cháu đều do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, anh T thường xuyên đi làm xa nên không gần gũi con. Năm 2017 khi ly hôn tôi là người trực tiếp nuôi các cháu, đến năm 2023 anh T về chung sống được khoảng hơn ba tháng sau đó thì sống chủ yếu ở C, anh có điện thoại thăm con thì cũng thường xuyên la mắng làm ảnh hưởng đến tâm lý của con. Tôi làm ở Trại Y tế xã C, có thu nhập ổn định, thời gian công việc của tôi theo giờ hành chính nên thuận tiện cho việc đưa đón, chăm sóc, dạy dỗ các con học tập. Tôi ở gần cha mẹ nên cha mẹ tôi cũng phụ giúp tôi trong việc chăm sóc các cháu. Các cháu hiện đang học Lớp 5 Trường Tiểu học L, là chị em sinh đôi, từ nhỏ đã sống cùng nhau; anh T đang sống cùng với cha mẹ đẻ ở C, từ nhỏ các cháu cũng không gần gũi với bên nhà nội, nên việc đưa các cháu về sống cùng với ông bà nội hoặc chia tách các cháu sẽ làm ảnh hưởng rất lớn đến việc phát triển tâm sinh lý, môi trường học và bạn bè của các cháu. Do vậy tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa của bị đơn anh Vũ Ngọc T thể hiện: Tôi và chị Nguyễn Thị Ngọc S kết hôn từ năm 2014, sau đó không hoà hợp nên đã ly hôn năm 2017. Năm 2018 tôi đi xuất khẩu lao động ở N đến năm 2023 tôi về Việt Nam, lúc đó tôi và chị Nguyễn Thị Ngọc S tiếp tục chung sống cùng nhau và đăng ký kết hôn lại vào năm 2024. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cha mẹ tôi đã lớn tuổi mặc khác gia đình tôi có điều kiện về kinh tế nên tôi về sống cùng cha mẹ đẻ để trông cà phê, mỗi tháng tôi về nhà từ 3 đến 4 lần. Liên quan đến kinh tế gia đình, việc nuôi dạy con nên chúng tôi thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng hiện nay cũng không còn hạnh phúc nữa, do vậy tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung, các cháu sinh đôi, cháu Vũ Nguyễn Khánh N và cháu Vũ Nguyễn Ngọc K, đều sinh ngày 20/9/2015. Chị S đang có con riêng là Nguyễn Vũ Hải Đ, sinh năm 2012, cháu Đ thường xuyên có lời nói xúc phạm, hỗn xược với tôi. Tôi không muốn con tôi phải sống trong môi trường không tốt sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển của các cháu. Tôi làm nông, trông cà phê, thu nhập mỗi năm khoảng từ 500.000.000đ; vì công việc của gia đình nên tôi có nhiều thời gian hơn để chăm sóc và đưa đón con; tôi sống cha mẹ đẻ nên có thể hỗ trợ tôi trong việc chăm sóc các con. Trước đây tôi có thường xuyên uống rượu nhưng hiện nay đã bỏ rượu; chị S làm việc tại Trại y tế nên không có nhiều thời gian để chăm con; chị S chỉ có thu nhập từ lương và phải nuôi 03 con, do vậy nếu giao con cho tôi nuôi thì sẽ bảo đảm tốt hơn cho sự phát triển của các cháu. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nơi cư trú của tôi: Vào năm 2024 tôi đăng ký thường trú tại thôn C, xã T, tỉnh Gia Lai; tuy nhiên từ tháng 11/2025 đến nay tôi về sống tại Làng P, xã I, tỉnh Gia Lai. Tôi đồng ý Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa tôi và chị S.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc S ly hôn với anh Vũ Ngọc T. Về việc nuôi con, giao cho chị S trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Vũ Nguyễn Khánh N và cháu Vũ Nguyễn Ngọc K, đều sinh ngày 20/9/2015. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con với anh Vũ Ngọc T; nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã C, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Làng P, xã I, tỉnh Gia Lai, anh T đồng ý Tòa án nơi nguyên đơn thường trú giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Vũ Ngọc T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị S và anh T phát sinh mâu thuẫn nên chị S yêu cầu ly hôn với anh T. Tại phiên hòa giải ngày 18/3/2026 và tại phiên tòa anh T cũng đồng ý ly hôn. Do vậy cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Vũ Ngọc T.

[3] Về việc nuôi con: Chị S và anh T có hai con chung là cháu Vũ Nguyễn Khánh N và cháu Vũ Nguyễn Ngọc K, đều sinh ngày 20/9/2015. Chị S và anh T đều có yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai con. Xét nguyện vọng của cháu N, cháu K đều muốn sống cùng với mẹ; trong thời gian chung sống anh T thường xuyên đi làm xa, sau khi ly hôn năm 2017 các cháu cũng đều do chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay học tập và phát triển tốt. Các cháu hiện đang là học sinh Trường Tiểu học L, xã C, tỉnh Gia Lai; chị S là viên chức của Trạm Y tế xã C, tỉnh Gia Lai, điều kiện làm việc gần nhà, thu nhập ổn định; các cháu là chị em sinh đôi,

chung sống cùng với nhau từ nhỏ. Do vậy việc giao cho anh T trực tiếp nuôi cả hai con hoặc anh T và chị S mỗi người nuôi một con cũng sẽ làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý, môi trường học tập, không tốt cho sự phát triển của các cháu. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho chị S trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự lập được. Chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị S và anh T thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa nên mỗi người phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm là 75.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Vũ Ngọc T.

2. Về việc nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc S trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Vũ Nguyễn Khánh N và cháu Vũ Nguyễn Ngọc K, đều sinh ngày 20/9/2015, khi cháu N, cháu K chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 75.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002242 ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Thi

hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Hoàn trả cho chị S 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Vũ Ngọc T phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 26/5/2026.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- UBND xã Cửu An, Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch, số 07/2024);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo